

LÝ LỊCH KHOA HỌC

| 1. Họ và tên: Lê Văn Tri | | | |
|---|--|--|-----------------|
| 2. Năm sinh: 07/07/1952 | | 3. Nam/Nữ: Nam | |
| 4. Học hàm: Học vị: Tiến sỹ Sinh học | | Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị: 1988 | |
| 5. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần Công nghệ sinh học, công ty cổ phần phân bón Fitohocmon Chủ tịch Hiệp hội phân bón sinh học Việt Nam | | | |
| 6. Địa chỉ nhà riêng: C1- 466 Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội | | | |
| 9. Địa chỉ cơ quan: Tòa nhà BIOGROUP 814/3 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội | | | |
| 7. Điện thoại: 04.3775.4253 | | Mobile: 0903441529 | |
| 8. Fax: 04.3775.4346 | | Email: biotech.jsc@gmail.com | |
| 10. Quá trình đào tạo | | | |
| Bậc đào tạo | Nơi đào tạo | Chuyên môn | Năm tốt nghiệp |
| Đại học | Liên xô cũ | Vi sinh vật học | 1975 |
| Tiến sỹ | Viện Khoa học Việt Nam | Vi sinh vật học | 1988 |
| Thực tập sinh khoa học | + Viện sinh lý thực vật Timiazev- Viện HLKH Liên Xô (cũ) | Sinh lý thực vật | 1989 |
| | + Viện Quang hợp và Thổ nhưỡng Pusino- Liên xô (cũ) | Sinh lý thực vật, thổ nhưỡng | 1991 |
| | + Các nước Châu Á (Thái Lan, Malaixia, Singapo...) | | 2002-2005 |
| | + Các nước Châu Âu (Đức, Tiệp, Hungari...) | | 2004-2009 |
| 11. Quá trình công tác | | | |
| Thời gian <i>(từ năm... đến năm...)</i> | Vị trí công tác | Tổ chức công tác | Địa chỉ tổ chức |
| 1975 - 1989 | Nghiên cứu viên | Viện sinh vật học – Viện Khoa học Việt Nam | Hà Nội |
| 1989 - 1991 | Trưởng phòng thí nghiệm - Thư ký HDKH | Trung tâm nghiên cứu vi sinh vật – Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc | Hà Nội |

| | | | |
|--------------|--|--|--------|
| | | gia | |
| 1991 - 1993 | - Nghiên cứu viên - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc | T.tâm nghiên cứu vi sinh vật Xí nghiệp Liên doanh Fitohocmon | Hà Nội |
| 1993 - 2001 | - Nghiên cứu viên - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc | Viện công nghệ sinh học Xí nghiệp Liên doanh Fitohocmon | Hà Nội |
| 2001 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | Công ty cổ phần công nghệ sinh học và Công ty cổ phần phân bón Fitohocmon | Hà Nội |
| 2004 đến nay | Chủ tịch | Hiệp hội phân bón Sinh học Việt Nam | Hà Nội |

12. Các công trình công bố chủ yếu: (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)

| TT | Tên công trình (bài báo, công trình,..) | Là tác giả hoặc đồng tác giả | Nơi công bố (tên tạp trí đã đăng công trình) | Năm công bố |
|----|--|---------------------------------------|--|-------------------|
| | Biên soạn sách | | | |
| 1 | Cách sử dụng chất điều hoà sinh trưởng và vi lượng đạt hiệu quả cao | Tác giả | NXB Khoa học và kỹ thuật | 1992 |
| 2 | Các chế phẩm tăng năng suất cho cây lúa | Tác giả | Bộ NN và CNTP – TT thông tin | 1993 |
| 3 | Gibberellin – Chất kích thích sinh trưởng thực vật | Tác giả | NXB Khoa học và kỹ thuật | 1994 |
| 4 | Chất điều hoà sinh trưởng và tăng năng suất cây trồng | Tác giả | NXB Nông nghiệp | 1998 |
| 5 | Sử dụng các phụ phẩm của Nhà máy đường | Chủ biên | NXB Nông nghiệp | 1999 |
| 6 | Phân phức hợp hữu cơ vi sinh | Tác giả | NXB Nông nghiệp | 2000 |
| 7 | Hỏi đáp về phân bón | Tác giả | NXB Nông nghiệp | 2001 |
| 8 | Hỏi đáp về các chế phẩm điều hoà sinh trưởng tăng năng suất cây trồng | Tác giả | NXB Nông nghiệp | 2003 |
| | Bài báo khoa học | | | |
| 1 | Sử dụng chất kích thích sinh trưởng thực vật (Gibberellin) cho cây trồng | Tác giả | Viện KH Việt Nam Những thành tựu KHKT đưa vào SX | 1989 |

| | | | | |
|----|---|--------------|---|------|
| 2 | Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm tăng năng suất lạc (FIVILAC) của FITOHOOCMON đến năng suất cây lạc | Đồng tác giả | Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm – Tạp chí KHKT&QLKT | 1994 |
| 3 | Nghiên cứu hiệu ứng di truyền sau xử lý chế phẩm tăng năng suất cây trồng của FITOHOOCMON lên cây đậu tương và lạc | Đồng tác giả | Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm – Tạp chí KHKT&QLKT | 1994 |
| 4 | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm tăng năng suất lúa | Tác giả | Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm – Tạp chí KHKT&QLKT | 1994 |
| 5 | Nghiên cứu hiệu ứng di truyền trên một số giống lúa sau khi đã xử lý chế phẩm tăng năng suất lúa (FIVILUA) của FITOHOOCMON | Đồng tác giả | Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm – Tạp chí KHKT&QLKT | 1994 |
| 6 | Kết quả bước đầu sử dụng chế phẩm tăng năng suất chè của FITOHOOCMON trên cây chè vùng phía Bắc Việt Nam | Đồng tác giả | Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm – Tạp chí KHKT&QLKT | 1995 |
| 7 | Kết quả bước đầu sử dụng chế phẩm tăng năng suất cà phê của FITOHOOCMON trên cà phê vùng Tây Bắc Việt Nam | Đồng tác giả | Nông nghiệp – công nghiệp thực phẩm – Tạp chí KHKT&QLKT | 1995 |
| 8 | Phân bón sinh học – Nghiên cứu sản xuất và kinh doanh | Tác giả | BCKH-Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc 2003 | 2003 |
| 9 | Công nghệ sản xuất muối humát và ứng dụng trong nông nghiệp | Đồng tác giả | BCKH-HN công nghệ sinh học toàn quốc 2003 | 2003 |
| 10 | Nghiên cứu tuyển chọn chủng vi khuẩn phân giải photphat, ứng dụng trong sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2004 |
| 11 | Hiệu quả bón phân phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohocmon có kết hợp phân vô cơ trên cao su khai thác và kiến thiết cơ bản tại Công ty cao su Chrusê | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2004 |
| 12 | Kết quả điều tra và khảo nghiệm hiệu lực phân phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohocmon trên cao su kiến thiết cơ bản và khai thác tại Công ty cao su Chrusê (1995-2000) | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2004 |
| 13 | Kết quả điều tra và khảo nghiệm hiệu lực phân phức hợp hữu cơ vi | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2004 |

| | | | | |
|----|--|--------------|---|------|
| | sinh Fitohocmon trên cao su kiến thiết cơ bản và khai thác tại Công ty cao su Chursê giai đoạn 2 (2000-2003) | | | |
| 14 | Nghiên cứu biến động các nhóm vi sinh vật hữu ích trên đất trồng mía tại vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn-Thanh Hóa | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2005 |
| 15 | Kết quả nghiên cứu ban đầu về các vi khuẩn cố định Nitơ phân lập ở cây mía (<i>Saccharum L.</i>) | Đồng tác giả | Tạp chí khoa học và công nghệ | 2005 |
| 16 | Kết quả thử nghiệm hiệu lực của một số loại muối Humat lên hạt rau cải thìa (<i>Brassica juncea (L.) czernjaew</i>) và hạt đậu (<i>Glycine . max (L.) merrill</i>) | Đồng tác giả | Tạp chí sinh học | 2005 |
| 17 | Hiệu lực của phân bón phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohocmon đến năng suất cây mía tại vùng nguyên liệu Công ty mía đường Lam Sơn- Thanh Hóa | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2005 |
| 18 | Hiệu lực của phân bón phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohocmon đến năng suất cây mía tại vùng nguyên liệu Công ty mía đường Sông Con- Nghệ An | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2005 |
| 19 | Nghiên cứu kéo dài thời gian bảo quản chế phẩm phân giải lân khó tan | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2005 |
| 20 | Hiệu lực của phân bón phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohocmon đến năng suất cây mía tại vùng nguyên liệu Công ty mía đường Hòa Bình và Công ty mía đường Sơn Dương | Đồng tác giả | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn | 2005 |
| 21 | Xác định các nhóm chức trong axit humic góp phần giải thích các hoạt tính sinh học nhằm phục vụ cho việc sản xuất phân bón tại Việt Nam | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học đất | 2006 |
| 22 | Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm Fito-humat trong sản xuất khoai tây | Đồng tác giả | Tạp chí Sinh học | 2007 |
| 23 | Phân lập và tuyển chọn các vi khuẩn sinh tổng hợp các chất hoạt | Tác giả | Tạp chí Khoa học và công nghệ | 2008 |

| | | | | |
|----|---|--------------|--|------|
| | động bề mặt (HĐBM) | | | |
| 24 | Sự tổng hợp chất hoạt động bề mặt sinh học (HĐBMSH) của chủng <i>Bacillus</i> sp. T ₁ trên môi trường rỉ đường và nitơ vô cơ | Tác giả | Tạp chí Khoa học và công nghệ | 2008 |
| 25 | Sử dụng chế phẩm phân bón lá Fito-humat và phân bón hữu cơ vi sinh fito-hoocmon trên cây lúa tại Phú Xuyên-Hà Tây (cũ) theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững | Đồng tác giả | Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt nam | 2009 |
| 26 | Nghiên cứu ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh Fito-Việt Séc trên cây dưa hấu tại xã Gia Xuyên-Gia Lộc-Hải Dương. | Đồng tác giả | Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt nam | 2009 |

13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn, xét chọn – nếu có)

| TT | Tên và nội dung văn bằng | Năm cấp văn bằng |
|----|--|------------------|
| 1 | Bằng độc quyền sáng chế “ <i>Phương pháp thu nhận Gibberellin</i> ” | 1992 |
| 2 | Bằng độc quyền sáng chế “ <i>Phương pháp ngâm ủ hạt lúa tươi mới thu hoạch</i> ” | 1992 |
| 3 | Bằng độc quyền sáng chế “ <i>Chế phẩm tăng năng suất lúa (FIVILUA hoặc TASALUA)</i> ” | 1992 |
| 4 | Bằng độc quyền sáng chế “ <i>Chế phẩm tăng năng suất lạc</i> ” | 1992 |
| 5 | Bằng giải pháp hữu ích HI-0201 - “ <i>Quy trình sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh</i> ” | 1998 |
| 6 | Bằng độc quyền sáng chế Số 9529 – “ <i>Quy trình xử lý phân thải trong chăn nuôi lợn thành phân bón phức hợp hữu cơ vi sinh</i> ” | 2011 |
| 7 | Bằng giải pháp hữu ích số 294- “ <i>Quy trình sản xuất mộc nhĩ trên cơ chất bã mía</i> ” | 2002 |
| 8 | Bằng độc quyền sáng chế “ <i>Quy trình sản xuất chế phẩm tăng năng suất cây trồng Fito-Humat</i> ” | 2005 |
| 9 | Bằng Độc quyền sáng chế VN - Số 7238 <i>Quy trình sản xuất phân bón sinh học tổng hợp dùng để xử lý đáy ao hồ trước khi nuôi trồng thủy sản</i> " "2008" | 2008 |
| 10 | Bằng Độc quyền sáng chế VN - Số 7239 <i>Chế phẩm dùng để xử lý nước ao nuôi thủy sản</i> "(2008) | 2008 |
| 11 | Bằng độc quyền sáng chế Số 8791- <i>Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học dùng để phòng trừ và hạn chế bệnh phát sáng trong nuôi trồng thủy sản</i> | 2010 |

| | | |
|----|--|------|
| 12 | Bằng Độc quyền sáng chế VN - Số 7913 <i>Chế phẩm hương liệu men sinh học tổng hợp</i> (2009) | 2009 |
| 13 | Bằng Độc quyền giải pháp hữu ích - Số 956 về “ <i>Chế phẩm vi sinh (Fito-Biomix RR) để xử lý rơm rạ và qui trình xử lý rơm rạ thành phân bón hữu cơ nhờ sử dụng chế phẩm này</i> ” | 2011 |
| 14 | Bằng độc quyền sáng chế “ <i>Thiết bị lên men trên môi trường xốp và quy trình sản xuất các chế phẩm vi sinh vật dạng bột nhờ thiết bị này</i> ”, số đơn 1 – 2012 – 00987. | 2012 |
| 15 | Bằng độc quyền sáng chế số 03119 “ <i>Quy trình sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh từ bùn thải nuôi trồng thủy sản và rơm rạ</i> ”. | 2012 |
| 16 | Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 1014 “ <i>Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học dùng để xử lý H₂S trong nuôi trồng thủy sản</i> ” | 2012 |

14. Các công trình được áp dụng trong thực tiễn

| TT | Tên công trình | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Thời gian (bắt đầu - kết thúc) |
|----|--|---|-----------------------------------|
| 1 | Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng chất kích thích sinh trưởng thực vật Gibberellin cho các cây trồng | - Dạng các chế phẩm tăng năng suất cây trồng - Quy mô công nghiệp, áp dụng toàn quốc | Từ 1988 đến nay |
| 2 | Quy trình sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohocmon | - Liên doanh, liên kết xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh cho các cây trồng: Cao su, cà phê, rau màu tại các địa phương - Quy mô công nghiệp, áp dụng toàn quốc | Từ 1993 đến nay |
| 3 | Công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh cho cây mía từ phế thải, phụ phẩm mía đường | - Liên kết với các nhà máy đường - Quy mô công nghiệp, áp dụng cho tất cả các nhà máy đường | Từ năm 2000 đến nay |
| 4 | Quy trình sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh từ bùn thải nuôi trồng thủy sản và rơm rạ | Quy mô công nghiệp, áp dụng trên toàn quốc | Từ năm 2008 đến nay |
| 5 | Quy trình xử lý rơm rạ tại ruộng bằng chế phẩm Fito Biomix-RR thành phân bón hữu cơ bón cho cây trồng nhằm phát triển nền nông nghiệp bền vững | Quy mô công nghiệp, áp dụng trên toàn quốc | Từ năm 2010 đến nay |

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia: (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn, xét chọn – nếu có)

| TT | Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì | Thời gian (Bắt đầu-kết thúc) | Cấp quản lý (Cấp Nhà nước, Bộ, Thành phố, cơ sở) | Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu) |
|-----------|--|---|---|--|
| 1 | “Xử lý môi trường phân thải của các trang trại chăn nuôi tập trung tại Hà Tây để sản xuất phân bón vi sinh” | 3/2008-12/2009 | Đề tài của UBND thành phố Hà Nội | Đã nghiệm thu đạt loại khá |
| 2 | “Ứng dụng công nghệ sinh học xử lý rác và nước thải tại bãi rác Soi Nam - Thành phố Hải Dương” | 1/2008-8/2008 | Dự án của UBND thành phố Hải Dương | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 3 | “Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm sinh học Bio-Mix 1 trong xử lý rác thải và chế phẩm Bio-Mix 2 trong xử lý nước rỉ rác tại tỉnh Yên Bái” | 1/2009-12/2009 | Dự án của Công ty cổ phần công nghệ sinh học | Đã nghiệm thu đạt loại khá |
| 4 | “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học xử lý đáy ao nuôi trồng thủy sản (BIOF) tại tỉnh Hải Dương” | 1/2008-12/2009 | Đề tài của UBND tỉnh Hải Dương | Đã nghiệm thu đạt loại khá |
| 5 | “Nghiên cứu công nghệ sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học BTS và BIOF cho ao nuôi tôm sú công nghiệp tại Hải Phòng” | 1/2006-12/2007 | Đề tài kết hợp với Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 6 | “Áp dụng các chế phẩm sinh học trong ao nuôi tôm công nghiệp của Tổng đội thanh niên xung phong Đông Bắc Móng Cái – Quảng Ninh” | 1/2008-12/2008 | Đề tài của UBND tỉnh Quảng Ninh | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 7 | "Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý rác và nước rỉ từ rác tại Bãi chôn lấp rác Soi Nam - Thành phố Hải Dương" | 1/2008 - 8/2008 | Dự án của UBND tỉnh Hải Dương | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 8 | “Áp dụng các chế phẩm sinh học trong ao nuôi tôm công nghiệp" của Trung tâm khuyến nông huyện Yên Hưng - Quảng Ninh | 1/2009-12/2009 | Dự án của UBND tỉnh Quảng Ninh | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 9 | “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Fitohocmon để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ rác thải hữu cơ và phân thải của chăn nuôi tại Hải Dương” | 2006-2007 | Chương trình Khoa học công nghệ năm 2006 tỉnh Hải Dương (KC.03) | Đạt loại xuất sắc |
| 10 | “Xây dựng mô hình sử dụng chế | 2006-2007 | Chương trình | Đạt loại khá |

| | | | | |
|----|--|-------------|---|---------------------------------|
| | phẩm phân bón lá (FITO-HUMAT) và phân bón hữu cơ vi sinh nhằm tăng năng suất và chất lượng cây trồng theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Hà Tây” | | Khoa học công nghệ năm 2006 tỉnh Hà Tây (KC.14) | |
| 11 | Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh trên nền than bùn và phụ phẩm nông nghiệp tại Điện Biên | 2006 – 2008 | Bộ KHCN | Đã nghiệm thu |
| 12 | “Đề tài ứng dụng công nghệ FITOHOOCMON để sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ nguồn vỏ cây và phế thải của nguyên liệu làm giấy để bón cho cây nguyên liệu giấy” | 2006 – 2008 | Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Phú Thọ | Đạt loại khá |
| 13 | “Hoàn thiện công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh cho cây mía từ phế thải và phụ phẩm của sản xuất mía đường”. | 2003 – 2004 | Thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước “Phát triển Công nghệ Sinh học” KC.04 | Đã nghiệm thu 38,5/40điểm |
| 14 | Nghiên cứu sử dụng công nghệ sinh học chuyên hóa P ₂ O ₅ khó tiêu sang P ₂ O ₅ dạng dễ tiêu trong quặng photphorit của Hòa Bình | 2010-2011 | Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 15 | Ứng dụng chế phẩm vi sinh BIOMIX-rom rạ chế biến rom rạ thành phân hữu cơ tại đồng ruộng bón cho cây trồng nhằm phát triển nền nông nghiệp bền vững tại tỉnh Hòa Bình. | 2010-2011 | Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 16 | Nghiên cứu sản xuất ứng dụng phân phức hợp hữu cơ vi sinh đa chức năng Fito cho cây cao su tại Thanh Hóa, Quảng Bình, Gia Lai, Đắk Lắk. | 2008-2010 | Hiệp Hội phân bón sinh học Việt Nam | Đã nghiệm thu |
| 17 | Chương trình “Tổ chức xử lý rom, rạ dư thừa sau thu hoạch thành phân bón hữu cơ bằng chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011 - 2015 | 2011 - 2015 | Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương | Đang thực hiện |

| | | | | |
|----|---|-----------|--------------------------------|----------------|
| | ” | | | |
| 18 | Dự án “Ứng dụng chế phẩm vi sinh BIOMIX-RR chế biến rơm rạ thành phân hữu cơ tại đồng ruộng bón cho cây trồng nhằm phát triển nền nông nghiệp bền vững tại tỉnh Hưng Yên” | 2012-2013 | Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên | Đang thực hiện |
| 19 | Đề tài “Xây dựng mô hình nhân rộng ủ rơm rạ thành phân hữu cơ vi sinh tại đồng ruộng bằng chế phẩm vi sinh học BIOMIX- rơm rạ được sản xuất tại Nhà máy phân hữu cơ vi sinh Cao Phong-Hòa Bình” | 2012-2013 | Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình | Đang thực hiện |
| 20 | Dự án “Ứng dụng chế phẩm sinh học Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ thành phân hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” | 2012-2013 | Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa | Đang thực hiện |
| 21 | Dự án “Ứng dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ than bùn cho các loại cây trồng chính của tỉnh Lạng Sơn” | 2012-2013 | Bộ khoa học và công nghệ | Đang thực hiện |
| 22 | Dự án “Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm đáy ao nuôi thủy sản (BIOF) tại tỉnh Hải Dương” | 2012-2013 | Bộ khoa học và công nghệ | Đang thực hiện |
| 23 | Dự án “Mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ than bùn, phụ phẩm nông nghiệp và quặng photphorid tại huyện Cao Phong – tỉnh Hòa Bình” | 2012-2013 | Bộ khoa học và công nghệ | Đang thực hiện |
| 24 | Dự án nông thôn miền núi: “Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ thành phân bón hữu cơ nhằm bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Bạc Liêu” | 2011-2015 | Bộ khoa học Công nghệ | Đang thực hiện |

16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,...liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn, xét chọn – nếu có)

| TT | Hình thức và nội dung giải thưởng | Năm tặng thưởng |
|----|---|-----------------|
| 1 | Huy chương vàng “ <i>Sản phẩm Gibberellin chất kích thích sinh trưởng cây trồng</i> ” – Hội chợ triển lãm kỹ thuật Việt Nam | 1990 |

| | | |
|----|---|------|
| 2 | Huy chương đồng “ <i>Chế phẩm Lufain</i> ” - Hội chợ triển lãm kỹ thuật Việt Nam | 1990 |
| 3 | Huy chương “ <i>Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ</i> ” số 2906/QĐ-BKHCNMT cấp | 2001 |
| 4 | Huy chương Techmart 2003 “ <i>Công nghệ sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh FITOHOOCMON</i> ” số 1969/QĐ-BKHCN cấp | 2003 |
| 5 | Bằng khen Chợ Công nghệ và Thiết bị 2003 – Quyết định số 1970/QĐ-Bộ Khoa học và Công nghệ cấp | 2003 |
| 6 | Cúp vàng Techmart Việt Nam 2005 “ <i>Công nghệ sản xuất các chế phẩm tăng năng suất cây trồng</i> ” - Quyết định số 2684/QĐ-BKHCN cấp | 2005 |
| 7 | Cúp vàng Techmart Việt Nam 2005 “ <i>Công nghệ sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh từ phế thải, phụ phẩm mía đường</i> ” – Quyết định số 2684/QĐ-BKHCN cấp | 2005 |
| 8 | Cúp vàng – Giải nhất giải KHCN-VIFOTECH | 2006 |
| 9 | Bằng khen của Thủ tướng chính phủ về KHCN | 2006 |
| 10 | Cúp vàng Techmart Việt Nam 2007 “ <i>Công nghệ sản xuất chế phẩm tăng năng suất cây trồng – Fito Humat</i> ” | 2007 |
| 11 | Bằng lao động sáng tạo của Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam | 2007 |
| 12 | Huy chương bạc – Giải nhì giải Triển lãm sáng tạo Quốc tế lần thứ 4 tại Seoul – Hàn Quốc | 2008 |
| 13 | Bằng khen của Thủ tướng chính phủ về KHCN | 2008 |
| 14 | Cúp vàng Techmart Việt Nam Asean +3 “ <i>Công nghệ sản xuất và sử dụng đồng bộ chế phẩm sinh học xử lý đáy ao và xử lý nước ao trong nuôi trồng thủy sản</i> ” | 2009 |
| 15 | Cúp vàng Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2011 | 2011 |
| 16 | Giải thưởng Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO 2011 | 2011 |
| 17 | Cúp vàng Techmart quốc tế Việt Nam 2012- “ <i>Công nghệ sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh Fitohoocmon cho các loại cây trồng</i> ” | 2012 |
| 18 | Cúp vàng Techmart quốc tế Việt Nam 2012 – “ <i>Công nghệ xử lý chế phẩm Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ và các phế thải nông nghiệp tại ruộng làm phân bón sinh học</i> ” | 2012 |
| 19 | Kỷ lục Guinness Việt Nam 2012 trao cho TS. Lê Văn Tri – Người có nhiều bằng sáng chế trong lĩnh vực công nghệ sinh học nhất. | 2012 |